

BỘ TƯ PHÁP-BỘ NGOẠI
GIAO
Số: 11/2008/TTLT-BTP-
BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày
27/12/2005**

**của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện ngoại
giao,**

Cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao thống nhất hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

a) Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện Điều 80 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (sau đây gọi là Nghị định số 158/2005/NĐ-CP) tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện Việt Nam), bao gồm:

- Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài và có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam;
- Đăng ký kết hôn giữa hai bên nam nữ là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài;
- Đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam chết ở nước ngoài;
- Đăng ký việc nhận nuôi con nuôi giữa người nhận nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với trẻ em được nhận làm con nuôi là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài;
- Đăng ký việc giám hộ giữa công dân Việt Nam với nhau cư trú ở nước ngoài, hoặc giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài;
- Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con giữa người nhận và người được nhận là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài;
- Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam hoặc đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và đã ghi chú vào sổ hộ tịch tại Cơ quan đại diện Việt Nam;
- Thực hiện việc ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác của công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, bao gồm: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; hủy việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt việc nuôi con nuôi;
- Đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài;
- Đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài, mà những việc hộ tịch đó trước đây đã được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam;
- Thực hiện ghi vào sổ các việc: khai sinh; kết hôn; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi của công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;
- Cấp lại bản chính Giấy khai sinh; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch cho công dân Việt Nam đã đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện Việt Nam, mà sổ đăng ký các sự kiện hộ tịch đó đang lưu tại Cơ quan đại diện Việt Nam;

- Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài.

b) Những việc hộ tịch sau đây được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 68/2002/NĐ-CP) và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP:

- Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên hoặc cả hai bên định cư ở nước ngoài; hoặc đăng ký việc kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài;

- Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên hoặc cả hai bên định cư ở nước ngoài; hoặc đăng ký việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với người nước ngoài;

- Đăng ký việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên hoặc cả hai bên định cư ở nước ngoài; hoặc đăng ký việc nuôi con nuôi giữa người nước ngoài thường trú tại nước tiếp nhận xin nhận trẻ em Việt Nam cư trú tại nước đó làm con nuôi.

2. Xác định thẩm quyền đăng ký hộ tịch

a) Đối với những nước mà Việt Nam đã đặt Cơ quan đại diện, thì việc đăng ký hộ tịch theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này được thực hiện tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở khu vực lãnh sự mà đương sự cư trú.

b) Đối với những nước chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam hoặc Việt Nam chưa đặt Cơ quan đại diện, thì việc đăng ký hộ tịch theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này được thực hiện tại một trong các cơ quan sau đây:

- Cơ quan đại diện Việt Nam gần nhất;
- Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước kiêm nhiệm;
- Cơ quan khác được Bộ Ngoại giao ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự.

3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài*” là những công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

b) “*Công dân Việt Nam thường trú ở nước ngoài*” là người đang có quốc tịch Việt Nam cư trú, làm ăn, sinh sống ở nước ngoài và được nước sở tại cấp giấy tờ cho phép cư trú có thời hạn ở nước ngoài.

c) “*Công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài*” là những người đang có quốc tịch Việt Nam công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài và được nước sở tại cấp giấy tờ cho phép tạm trú có thời hạn ở nước ngoài.

4. Các giấy tờ cá nhân nộp khi đăng ký hộ tịch

Khi đăng ký hộ tịch tại Cơ quan đại diện Việt Nam, đương sự phải nộp bản chụp các giấy tờ sau đây để chứng minh về nhân thân và nơi cư trú:

- Hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế Hộ chiếu (như Hộ chiếu thuyền viên; Giấy thông hành biên giới; Giấy thông hành nhập, xuất cảnh; Giấy thông hành hồi hương; Giấy thông hành); trường hợp không có Hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế Hộ chiếu, thì có thể xuất trình giấy tờ khác có giá trị chứng minh về nhân thân (như Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận đăng ký công dân, thẻ cử tri mới nhất...).

- Giấy tờ chứng minh về tình trạng cư trú của người đó tại nước sở tại.

Khi nộp bản chụp các giấy tờ nêu trên, đương sự phải xuất trình bản chính để đối chiếu.

5. Sử dụng biểu mẫu hộ tịch

Khi đăng ký các sự kiện hộ tịch theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư liên tịch này, Cơ quan đại diện Việt Nam sử dụng các biểu mẫu hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-BTP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch sử dụng tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài (sau đây gọi là Quyết định số 04/2007/QĐ-BTP).

II. ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

1. Đăng ký khai sinh

a) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước mà trẻ em sinh ra hoặc ở nước mà cha, mẹ của trẻ em là công dân Việt Nam cư trú, thực hiện việc đăng ký khai sinh.

Cơ quan đại diện Việt Nam chỉ đăng ký khai sinh cho trẻ em nếu cha mẹ nhất trí lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho trẻ em đó theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.

b) Trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em được thực hiện tương tự như quy định tại Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP.

c) Trong trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là người nước ngoài, thì việc xác định quốc tịch cho trẻ em được thực hiện theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.

d) Xác định họ và quê quán

Khi đăng ký khai sinh, họ và quê quán của con được xác định theo họ và quê quán của người cha hoặc họ và quê quán của người mẹ theo tập quán hoặc theo thỏa thuận của cha, mẹ.

Trong trường hợp đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không có quyết định công nhận việc nhận cha cho con, thì họ và quê quán của con được xác định theo họ và quê quán của người mẹ.

đ) Ghi về nơi sinh

Trường hợp trẻ em được sinh ra ở nước ngoài, mục nơi sinh được ghi theo tên thành phố, tên nước, nơi trẻ em đó được sinh ra (Ví dụ: Luân Đôn, Liên hiệp vương quốc Anh và Bắc Ai-len; Bec-lin, Cộng hòa liên bang Đức).

e) Trong trường hợp đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú mà vào thời điểm đăng ký khai sinh có người nhận là cha của trẻ, thì Cơ quan đại diện Việt Nam kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh. Trường hợp người nhận con là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, thì việc đăng ký nhận con được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2002/NĐ-CP; nếu người nhận con là công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài, thì việc đăng ký nhận con được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và Thông tư liên tịch này.